

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂY NINH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2022/DS-ST

Ngày: 28-9-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Liên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Võ Văn Trung.

2. Ông Trần Thanh Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa:**  
Ông Ngô Văn Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thảo V, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 140, khu phố HL, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Ông Lê Mạnh H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khu phố B, phường LH, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 25-7-2022). Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

*Bị đơn:* Ông Trần Thanh T, sinh năm 1992 và bà Trần Thu T, sinh năm 1990; Cùng địa chỉ: Tổ 21, đường TVT, khu phố H, phường M, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà T:* Ông Lê Hòa Thái S, sinh năm 1989; cư trú tại: Số 52, hẻm 9, đường PVD, khu phố HL, phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 39-8-2022). Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Quốc D, sinh năm 1994; cư trú tại: Số 140, đường HTP, khu phố HL, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 28-7-2022, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thảo V và người đại diện hợp pháp là ông Lê Mạnh H trình bày:***

Bà Nguyễn Thảo V có tham gia chơi hội do bà Trần Thu T làm chủ thảo hội gồm các dây hội tháng, hội ngày hoạt động với hình thức bà T lập nhóm trên zalo, mời các hội viên tham gia vào nhóm. Trong thời gian từ ngày 08-5-2022 đến ngày 03-7-2022 bà V tham gia tổng cộng 39 phần hội ngày và 01 phần hội dây hội 10.000.000 đồng/tháng. Quá trình tham gia bà V đã hốt hết 31 phần hội với tổng số tiền 1.511.700.000 đồng. Bà T còn nợ lại các dây hội sau, cụ thể:

Dây hội 1: Hội ngày 4.000.000 đồng/ngày, khai ngày 21-6-2022, kết thúc ngày 05-7-2022, hội sống đóng 3.200.000 đồng, hội chết đóng 4.000.000 đồng. Dây hội 15 ngày, bà V tham gia 01 phần, ngày bà V được hốt hội 3-7-2022, số tiền hốt được là 54.400.000 đồng trừ tiền còn 2.000.000 đồng còn lại là 52.400.000 đồng nhưng chưa được bà T đăng hội.

Dây hội 2: Hội ngày 2.000.000 đồng/ngày, khai ngày 21-6-2022, kết thúc ngày 05-7-2022, hội sống đóng 1.600.000 đồng, hội chết đóng 2.000.000 đồng. Dây hội 15 ngày, bà V tham gia 01 phần, ngày bà V hốt hội 3-7-2022, số tiền hốt được là 54.400.000 đồng trừ tiền còn 1.000.000 đồng còn lại là 26.200.000 đồng nhưng chưa được bà T đăng hội.

Dây hội 3: Hội ngày 2.000.000 đồng/ngày, khai ngày 21-6-2022, kết thúc ngày 05/7/2022, hội sống đóng 1.600.000 đồng, hội chết đóng 2.000.000 đồng. Dây hội 15 ngày, bà Vy tham gia 01 phần, ngày bà Vy hốt hội 3-7-2022, số tiền hốt được là 54.400.000 đồng trừ tiền còn 1.000.000 đồng còn lại là 26.200.000 đồng nhưng chưa được bà Thủy đăng hội.

Dây hội 4: Hội ngày 5.000.000 đồng/ngày, khai ngày 21-6-2022, kết thúc ngày 05-7-2022, hội sống đóng 4.000.000 đồng, hội chết đóng 5.000.000 đồng. Dây hội 15 ngày, bà V tham gia 01 phần, ngày bà V hốt hội 03-7-2022, số tiền hốt được là 54.400.000 đồng trừ tiền còn 2.500.000 đồng còn lại là 65.500.000 đồng, chưa được bà T đăng hội.

Dây hội 5: Hội ngày 5.000.000 đồng/ngày, khai ngày 24-6-2022, kết thúc ngày 05-7-2022, hội sống đóng 4.000.000 đồng, hội chết đóng 5.000.000 đồng. Dây hội 12 ngày, bà V tham gia 01 phần, ngày bà V hốt hội 03-7-2022, số tiền hốt được là 53.000.000 đồng trừ tiền còn 2.500.000 đồng còn lại là 50.500.000 đồng nhưng chưa được bà T đăng hội.

Dây hội 6: Hội ngày 5.000.000 đồng/ngày, khai ngày 24-6-2022, kết thúc ngày

05-7-2022, hụi sống đóng 4.000.000 đồng, hụi chết đóng 5.000.000 đồng. Dây hụi 12 ngày, bà V tham gia 01 phần, ngày bà V hốt hụi 3-7-2022, số tiền hốt được là 53.000.000 đồng trừ tiền còn 2.500.000 đồng còn lại là 50.500.000 đồng nhưng chưa được bà T đăng hụi.

Dây hụi 7: Hụi ngày 4.000.000 đồng/ngày, khai ngày 24-6-2022, kết thúc ngày 08-7-2022, hụi sống đóng 3.200.000 đồng, hụi chết đóng 4.000.000 đồng. Dây hụi 15 ngày, bà V tham gia 01 phần, ngày bà V hốt hụi 3-7-2022, số tiền hốt được là 52.000.000 đồng trừ tiền còn 2.000.000 đồng còn lại là 50.000.000 đồng, chưa được bà T đăng hụi.

Dây hụi 8: Hụi ngày 4.000.000 đồng/ngày, khai ngày 24-6-2022, kết thúc ngày 08-7-2022, hụi sống đóng 3.200.000 đồng, hụi chết đóng 4.000.000 đồng. Dây hụi 15 ngày, bà V tham gia 01 phần, ngày bà V hốt hụi 03-7-2022, số tiền hốt được là 52.000.000 đồng trừ tiền còn 2.000.000 đồng còn lại là 50.000.000 đồng nhưng chưa được bà T đăng hụi.

Dây hụi 9: Dây hụi tháng 10.000.000 đồng/tháng, khai ngày 16-5-2022 âm lịch, kết thúc ngày 16-02-2022 âm lịch, gồm 10 hụi viên, bà V tham gia 01 phần đã đóng hụi sống 8.000.000 đồng/tháng, hụi chết 10.000.000 đồng. Bà V đã đóng được 01 kỳ hụi với số tiền 8.000.000 đồng.

Tổng cộng 9 dây hụi bà T còn nợ là 379.300.000 đồng cần trừ tiền hụi chết 173.000.000 đồng của 31 dây hụi bà V đã hốt thì bà T còn nợ bà V số tiền hụi là 206.300.000 đồng. Bà V đã yêu cầu bà T thanh toán tiền hụi nhiều lần nhưng bà Thủy né tránh. Bà T làm hụi trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng, ông T đều biết, tại đơn khởi kiện ngày 28-7-2022 bà Vy yêu cầu vợ chồng ông T, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi 206.300.000 (Hai trăm lẻ sáu triệu ba trăm nghìn) đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 8-9-2022, các bên đã thống nhất ông T, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V số tiền hụi là 180.000.000 (Một trăm tám mươi triệu) đồng nhưng sau đó ông T, bà T thay đổi ý kiến. Nay bà V yêu cầu vợ chồng ông T, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hụi 180.000.000 đồng.

Việc ông T có ký nhận nợ số tiền 590.000.000 đồng với ông D ngày 03-7-2022, không bao gồm số tiền 206.300.000 đồng bà V khởi kiện bà T trong vụ án này.

***Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Thanh T, bà Trần Thu T và người đại diện hợp pháp là ông Lê Hòa Thái S trình bày:***

Tại biên bản hòa giải ngày 08-9-2022, ông S thống nhất với lời trình bày của phía nguyên đơn về các dây hụi bà V tham gia chơi hụi của bà T, sau khi tính toán xác nhận bà T còn nợ bà V số tiền hụi 206.300.000 đồng. Bà T, ông T là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2021, mục đích bà T làm hụi là để hưởng tiền hoa hồng chăm lo cho cuộc sống gia đình, nên ông T, bà T đồng ý liên đới trả cho bà V số

tiền hui 180.000.000 (Một trăm tám mươi triệu) đồng, các bên hòa giải thành vụ kiện.

Sau đó ông T, bà T thay đổi ý kiến, không đồng ý hòa giải thành vụ kiện, xác nhận số tiền hui bà T chưa đăng hui cho bà V là 338.400.000 đồng cần trừ tiền hui chết bà V phải đóng là 173.000.000 đồng, số tiền hui bà T còn nợ lại bà V là 165.400.000 đồng. Nay bà T chỉ đồng ý trả cho bà V số tiền hui 165.400.000 đồng, riêng ông T không đồng ý liên đới trả nợ. Lý do bà T làm hui kiếm tiền để tiêu xài cá nhân, không dùng để chi tiêu trong gia đình, ông T chạy xe tải đường dài ít có thời gian ở nhà nên không nắm rõ được việc làm của bà T, chỉ khi bà V yêu cầu trả tiền hui ông T mới biết.

Đối với việc ông T có ký nhận giấy nợ số tiền 590.000.000 đồng với ông Bùi Quốc D vào ngày 03-7-2022, phía bị đơn chưa có chứng cứ chứng minh có bao gồm số tiền 206.300.000 đồng nợ hui của bà V hay không.

***Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Quốc D trình bày:*** Ông T có vay số tiền 590.000.000 đồng và ký nhận nợ với ông D vào ngày 03-7-2022, trong số tiền này không bao gồm số tiền 206.300.000 đồng bà T nợ tiền hui của bà V trong vụ án này.

***Tại phiên tòa,*** các đương sự vắng mặt nên không có ý kiến trình bày; Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

***Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:***

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ hui, biên, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thảo V về “Tranh chấp hợp đồng góp hui” đối với ông Trần Thanh T, bà Trần Thu T. Buộc vợ chồng ông T, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thảo V số tiền hui còn nợ là 180.000.000 đồng. Án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thảo V khởi kiện yêu ông Trần Thanh T, bà Trần Thu T trả tiền nợ hui nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Điều 471 của Bộ luật Dân sự. Bà T có địa chỉ cư trú tại xã BM, thành phố TN nên Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn gồm ông Lê Mạnh H, ông Lê Hòa Thái S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Quốc D đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện bà V đối với ông T, bà T cho thấy:

Tại biên bản hòa giải ngày 08-9-2022, phía nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất bà V có tham gia chơi 39 phần/39 dây hui ngày và 01 phần hui dây hui 10.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 08-5-2022 đến ngày 03-7-2022 do bà T làm chủ thảo hui. Bà V đã đóng được 01 kỳ hui 8.000.000 đồng của dây hui 10.000.000 đồng/tháng và còn 08 phần hui/8 dây hui ngày chưa được bà T đăng hui như lời trình bày của phía nguyên đơn. Sau khi tính toán căn trừ tiền hui chết, hui sống, bà T xác nhận còn nợ bà V số tiền hui là 206.300.000 đồng. Mục đích bà T chơi hui để hưởng hoa hồng phục vụ trang trải chi phí sinh hoạt trong gia đình. Quá trình thương lượng tại tòa, các bên thống nhất hòa giải thành vụ án với nội dung vợ chồng ông T, bà T đồng ý liên đới trả cho bà V số tiền nợ hui 180.000.000 đồng.

Đến ngày 09-9-2022, phía bị đơn thay đổi ý kiến, xác định bà T chỉ đồng ý trả cho bà V số tiền hui còn nợ lại 165.400.000 đồng và ông T không đồng ý liên đới trả nợ do bà T làm hui phục vụ cho mục đích chi tiêu cá nhân, ông T không biết việc làm của bà T, tuy nhiên phía bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện ông T và bà T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 03-6-2021, việc bà T làm chủ thảo hui là nhằm mục đích phục vụ cho cuộc sống gia đình như lời trình bày của phía bị đơn ngày 08-9-2022, khoản nợ hui phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông T và bà T do đó cần buộc ông T có nghĩa vụ liên đới cùng bà T trả số tiền nợ hui 180.000.000 đồng cho bà V là phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, việc ông T có ký nhận giấy nợ số tiền 590.000.000 đồng với ông Bùi Quốc

D vào ngày 03-7-2022, phía bị đơn không có chứng cứ chứng minh có bao gồm số tiền 206.300.000 đồng nợ hụi của bà V và không được ông D, bà V thừa nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, buộc vợ chồng ông T, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V số tiền nợ hụi còn lại là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu) đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà V được chấp nhận nên ông T, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 180.000.000 đồng x 5% = 9.000.000 đồng.

Bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện bà đã nộp.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự, Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ hụi, biếu, phượng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thảo V đối với ông Trần Thanh T, bà Trần Thu T về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Buộc vợ chồng ông Trần Thanh T và bà Trần Thu T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thảo V số tiền nợ hụi là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

**2.** Về án phí sơ thẩm dân sự:

- Vợ chồng ông Trần Thanh T và bà Trần Thu T có nghĩa vụ liên đới chịu 9.000.000 đồng (Chín triệu) đồng tiền án phí.

- Bà Nguyễn Thảo V được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện, bà đã nộp số tiền 5.157.500 đồng (Năm triệu một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm) đồng theo Biên lai thu số 0001268 ngày 10-8-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

**3.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Bùi Thị Liên**